

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **19/2021/DS-ST**

Ngày : 27/5/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Tài**

2. Ông **Phạm Đức Minh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hòa**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 65/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu N**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 90 Trương Định, tổ 7, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà **Vũ Thị N1**, sinh năm 1977.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 8, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan:

Ông **Phạm Thanh H**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 90 Trương Định, tổ 7, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ông **Nguyễn L**, sinh năm 1976. Nơi đăng ký HKTT: Tổ 8, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bà N, ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông L, bà N1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà N trình bày: Vợ chồng bà N, ông H có quen biết với vợ chồng ông L, bà N1 do ở cùng tổ, cùng buôn bán tại chợ Bảo Lâm nên thân thiết nhiều năm. Trong năm 2018 vợ chồng bà N có cho vợ chồng bà N1, ông L vay tiền nhiều lần như sau: Ngày

24/8/2018 cho vay 50 triệu đồng, ngày 19/6/2018 cho vay 100 triệu đồng, ngày 01/9/2018 cho vay 100 triệu đồng và ngày 04/10/2018 cho vay 80 triệu đồng, tổng cộng 04 lần cho vay là 330 triệu đồng, vay để lấy vốn buôn bán, khi nào cần báo trước sẽ sắp xếp trả. Các lần vay trên thì đều viết giấy nợ, có lần ông L cùng ký tên, có lần không, bà N1 trực tiếp lấy tiền và ông L cũng đều biết. Sau đó bà N đã báo trước và đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng bà N1 không trả. Đến khoảng tháng 3/2019 bà N1 viết lại giấy mượn tiền để chốt lại các lần vay nợ như trên và thu lại các giấy vay cũ, bà N1 ký ghi họ tên, lúc đó không có ông L ở nhà nên không ký tên. Bà N1 có hẹn 10 ngày nữa sẽ thanh toán nợ cho vợ chồng bà N. Trong giấy vay có ghi lãi thỏa thuận nhưng thực tế đến nay gốc và lãi chưa trả, sau đó vợ chồng bà N1 vỡ nợ bỏ đi khỏi địa phương. Bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà N1 trả nợ số tiền đã vay 330.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời “phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đã áp dụng đối với vợ chồng ông L, bà N1 để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn bà Vũ Thị N1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc. Ngày 21/5/2021 bà N1 trình bày: Bà thừa nhận giấy mượn tiền hiện nay bà N khởi kiện và nộp cho Tòa án là đúng do bà viết, ký tên và nhận nợ, viết khoảng trước tháng 4/2019. Trong năm 2018 vợ chồng bà đã có vay tiền của bà N nhiều lần tổng số tiền 330 triệu đồng là đúng, các lần vay đều có viết giấy vay tuy nhiên sau khi viết lại giấy chốt nợ các khoản thì đã xé bỏ giấy cũ. Về lãi suất có ghi thỏa thuận nhưng thực tế bà N tính lãi theo ngày, cụ thể không nhớ, trả lãi đến tháng 4/2019 nhưng không có giấy tờ gì. Nay vợ chồng bà đồng ý trả cho vợ chồng bà N số tiền gốc 330 triệu đồng, không trả lãi. Bà N1 cũng trình bày yêu cầu cản trừ số nợ này sang tiền huê năm 2018 bà N đã hót nhưng chưa đóng lại cho bà gồm có 03 chân huê, huê 5.000.000 đồng, huê tháng. Bà N đã hót chết 03 chân huê số tiền 105.000.000 đồng, nay yêu cầu trừ vào tiền nợ, vợ chồng bà chỉ còn nợ bà N số tiền 225 triệu đồng và đồng ý trả số tiền này. Về việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”, các thủ tục tố tụng khác bà đồng ý và không có ý kiến gì. Bà sẽ đến Tòa án để đối chất, nộp các giấy tờ liên quan đến hui do bà N hót.

Người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan:

Ông Phạm Thanh H đồng ý như lời trình bày của bà N, yêu cầu vợ chồng bà N1 trả nợ cho vợ chồng ông số tiền 330.000.000 đồng.

Ông Nguyễn L đã được triệu tập họp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/6/2019 nhưng không được, bà N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án nữa mà xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N, buộc vợ chồng bị đơn bà N1, ông L phải trả cho vợ chồng bà N, ông H số tiền 330 triệu đồng, không tính lãi, tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời “phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” để đảm bảo thi hành án, về án phí đề nghị áp dụng theo quy định của pháp luật. Về việc bà N1 yêu cầu cản trở tiền huê bà N đã hót vào tiền nợ nhưng tại phiên tòa bà N1 vắng mặt, chưa nộp tài liệu chứng cứ, chưa làm đơn phản tố và nộp tạm ứng án phí nên đề nghị cần tách ra giải quyết thành vụ án khác nếu bà N1 khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh H đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Vũ Thị N1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thấy rằng:

Vợ chồng bà N, ông H có quen biết với vợ chồng ông L, bà N1 nhiều năm. Tại “giấy mượn tiền” không ghi ngày tháng năm thể hiện trong năm 2018 vợ chồng bà N1, ông L có vay tiền của vợ chồng bà N, ông H nhiều lần. Cụ thể ngày 28/4/2018 vay 50.000.000 đồng, ngày 19/6/2018 vay 100.000.000 đồng, ngày 01/9/2018 vay 100.000.000 đồng, ngày 04/10/2018 vay 80.000.000 đồng, tổng cộng 330.000.000 đồng, lãi có ghi thỏa thuận đôi bên. Cuối giấy mượn tiền, dòng “người mượn” có ký tên và ghi “Vũ Thị N1”. Bà N, bà N1 đều thừa nhận nội dung giấy mượn tiền do bà N1 tự viết, ký, ghi họ tên người mượn để xác nhận các khoản nợ trước đây chưa trả được cho vợ chồng bà N là 330.000.000 đồng, còn các giấy vay cũ đã xé bỏ. Bà N trình bày lãi có ghi thỏa thuận nhưng chưa trả lãi, nay vợ chồng bà chỉ yêu cầu vợ chồng bà N1 trả gốc, không yêu cầu tính lãi. Bà N1 trình bày bà N tính lãi theo ngày, không nhớ cụ thể bao nhiêu, đã trả lãi đến tháng 4/2019 nhưng không có giấy tờ gì và cũng không yêu cầu tính lại lãi. Từ tháng 4/2019 đến nay vợ chồng bà N1 đi khỏi địa phương không trả nợ cho bà N. Nay bà N1 thừa nhận, đồng ý trả số tiền gốc 330

triệu đồng cho vợ chồng bà N, không đồng ý trả lãi nữa vì kinh tế khó khăn. Vì vậy việc bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà N1 trả nợ cho vợ chồng bà số tiền 330.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Bà N không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

Ngày 21/5/2021 bà N1 có trình bày bà N có chơi hụi của bà gồm có 03 chân hụi của 02 dây hụi, bà N đã hốt hụi chết chưa đóng tiền cho bà là 105.000.000 đồng, bà yêu cầu trừ vào số nợ 330 triệu đồng, còn lại bà đồng ý trả nợ. Tuy nhiên tại phiên tòa bà N1 vắng mặt, không có tài liệu chứng cứ gì, chưa có đơn phản tố và nộp tạm ứng án phí về yêu cầu của mình nên xét thấy cần tách ra giải quyết thành vụ án dân sự khác khi bà N1 có đơn khởi kiện tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 09/4/2019 về việc “phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”, tài sản phong tỏa là các thửa đất số 06, 09- Tờ bản đồ 95-xã Lộc Ngải, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Xét thấy cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời như trên để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc vợ chồng ông L, bà N1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 16.500.000 đồng (330 triệu đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 275, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N đối với bà Vũ Thị N1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc vợ chồng bà Vũ Thị N1 và ông Nguyễn L phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu N và ông Phạm Thanh H số tiền 330.000.000 (*ba trăm ba mươi triệu*) đồng.

“*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*”.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng bà Vũ Thị N1, ông Nguyễn L phải nộp 16.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu N tổng số tiền 8.250.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại các biên lai thu tạm ứng

án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0012871 ngày 08/4/2019 và AA/2016/0012873 ngày 08/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy**